



TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014

Hà Nội, tháng 6 năm 2015

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1-2
Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập	3-4
Bảng cân đối kế toán	5-6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9-31

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp trình bày Báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp (sau đây viết được viết tắt là “Tổng Công ty”) đã được kiểm toán.

Khái quát chung về Tổng Công ty

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp (MIE) là Tổng Công ty Nhà nước, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và được thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 0106000827 ngày 08/02/1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, đăng ký lại lần thứ nhất ngày 02/01/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 22/4/2008. Ngày 15 tháng 06 năm 2010, Bộ Công thương ban hành Quyết định số 3168 /QĐ-BCT về việc chuyển Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp sang hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con. Ngày 31 tháng 08 năm 2010, Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với Mã số doanh nghiệp 0100101379 Giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2010, sửa đổi lần thứ 2 ngày 13 tháng 10 năm 2011, sửa đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 01 năm 2012 và sửa đổi lần thứ 4 ngày 10 tháng 07 năm 2013 và sửa đổi lần thứ 5 ngày 14 tháng 05 năm 2014.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty: 516.847.000.000 VND (Năm trăm mười sáu tỷ tám trăm bốn mươi bảy triệu đồng).

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Tổng Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí, lắp đặt máy móc thiết bị và kinh doanh thương mại.

Kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 30/09/2014 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014 được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo Báo cáo này.

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Các Thành viên Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc điều hành Tổng Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Xuân Hãn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16/07/2010 theo Quyết định số 3788/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Công thương
-----------------	----------	--

Ban Giám đốc

Ông Vũ Việt Kha	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/07/2010 theo Quyết định số 3789/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Công thương
-----------------	---------------	--

Ông Trần Quốc Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thành Đông	Phó Tổng Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các sự kiện phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán

Ban Giám đốc cam kết không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Gia VIA bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được bổ nhiệm làm Kiểm toán viên cho Tổng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ hoạt động. Đối với việc lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách thích hợp tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Việt Kha

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2014



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC GIA VIA

Số 97 Trần Quốc Toản, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (84-4) 37 616 174/39 922 789

Fax: (84-4) 37 615 804/39 428 997

Website: via-audit.vn

Số: 597/2015/BCKT-VIA-P3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi : HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia VIA đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 31/10/2014 từ trang 05 đến trang 31 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi cũng đã phát hành Báo cáo kiểm toán dạng chấp nhận từng phần số 579C/2015/BCKT – VIA- P3 ngày 17 tháng 04 năm 2015 của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, Báo cáo kiểm toán số 597A/2014/VIA-BCKT ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Công ty Xây Lấp Công nghiệp và Báo cáo kiểm toán số 597B/2014/VIA-BCKT ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Công ty Tư vấn Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp (ISC) và Báo cáo kiểm toán số 597C/2014/BCKT-VIA ngày 24/12/2014 của Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp (chi nhánh Miền Nam) cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/09/2014. Do đó, ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính được đính kèm theo đây bị ảnh hưởng bởi giới hạn kiểm toán và ý kiến kiểm toán đối với các Báo cáo tài chính được đính kèm theo các Báo cáo kiểm toán nói trên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/09/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Tài Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2013-137-1/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC GIA VIA
Hà nội, ngày 29 tháng 06 năm 2015

Đỗ Thị Thu Hương
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1417-2013-137-1/KTV

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		358.743.995.200	348.247.509.886
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	48.174.404.081	152.672.970.519
1. Tiền	111		10.394.404.081	3.874.970.519
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.780.000.000	148.798.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.500.000.000	9.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	12.500.000.000	9.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130		202.958.070.801	138.259.172.355
1. Phải thu khách hàng	131		85.771.478.131	128.200.340.953
2. Trả trước cho người bán	132		101.587.385.928	5.764.825.868
3. Phải thu nội bộ	133	V.03	1.269.926.882	1.800.801.404
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	14.351.873.288	5.687.820.455
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(22.593.428)	(3.194.616.325)
IV. Hàng tồn kho	140		84.290.826.888	42.380.465.728
1. Hàng tồn kho	141	V.05	86.121.898.275	44.211.537.115
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.831.071.387)	(1.831.071.387)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.820.693.430	5.434.901.284
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		111.640.819	611.919.752
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.284.034.698	3.449.200.331
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		14.459.873	327.195.568
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		1.000.000	
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.409.558.040	1.046.585.633
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			294.314.641.722	331.916.267.413
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		40.152.060.743	52.591.918.277
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	40.152.060.743	15.888.418.277
- Nguyên giá	222		44.438.904.134	30.899.661.167
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.286.843.391)	(15.011.242.890)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07		36.703.500.000
III. Bất động sản đầu tư	240			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		253.662.336.290	278.713.582.742
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.08	205.535.806.632	205.249.406.632
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.09	1.800.000.000	44.777.646.452
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	50.926.529.658	33.286.529.658
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(4.600.000.000)	(4.600.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		500.244.689	610.766.394
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	500.244.689	610.766.394
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			653.058.636.922	680.163.777.299

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		216.251.757.543	235.511.988.858
I. Nợ ngắn hạn	310		215.565.933.694	235.511.988.858
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	5.399.880.000	10.176.293.190
2. Phải trả người bán	312		39.588.866.301	65.780.562.370
3. Người mua trả tiền trước	313		141.200.867.094	130.480.350.129
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	930.798.963	869.649.812
5. Phải trả người lao động	315		1.727.454.480	2.080.404.072
6. Chi phí phải trả	316	V.14	3.983.600.658	3.253.717.113
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	21.738.570.928	22.305.282.160
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		995.895.270	565.730.012
II. Nợ dài hạn	330		685.823.849	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		685.823.849	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		436.806.879.379	444.651.788.441
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	436.806.879.379	444.651.788.441
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		423.712.553.327	439.763.727.943
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.492.664.251	9.903.060.010
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(1.156.834.935)	(9.825.189.346)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		36.752.942	1.759.751.115
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		5.721.743.794	3.050.438.719
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác				
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			653.058.636.922	680.163.777.299

Người lập



Đâu Huy Ngọc Linh

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2014



Vũ Việt Kha

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	153.235.371.712	318.911.902.873
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.394.538.000	8.360.146
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		151.840.833.712	318.903.542.727
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	141.208.024.585	292.359.835.026
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.632.809.127	26.543.707.701
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	8.946.286.258	7.697.814.354
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	1.107.441.692	15.186.113.913
8. Chi phí bán hàng	24		55.241.400	82.046.211
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.205.040.178	18.767.465.611
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.211.372.115	205.896.320
11. Thu nhập khác	31	VI.05	9.077.632.709	2.876.477.791
12. Chi phí khác	32	VI.06	15.710.101.222	1.857.087.303
13. Lợi nhuận khác	40		(6.632.468.513)	1.019.390.488
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		578.903.602	1.225.286.808
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.07	758.027.476	898.814.181
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(179.123.874)	326.472.627

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đâu Huy Ngọc Linh

Trần Thị Thu Trang



Vũ Việt Kha

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	211.560.620.413	371.609.830.697
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(282.891.274.588)	(275.615.444.749)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.526.275.905)	(6.075.069.866)
4 Tiền chi trả lãi vay	04	(403.354.623)	(921.282.201)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(688.312.792)	(1.870.807.375)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	17.684.053.948	141.420.583.617
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(34.492.042.527)	(98.145.852.312)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(96.756.586.074)	130.401.957.811
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(7.514.361.989)	(12.370.909)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	5.202.024.850	
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(14.200.000.000)	(23.994.456.760)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	11.200.000.000	9.694.456.760
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	843.540.641	
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	856.729.585	6.696.029.720
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.612.066.913)	(7.616.341.189)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	48.350.990.696	64.608.192.232
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(52.482.403.886)	(70.759.810.356)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.131.413.190)	(6.151.618.124)
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	(104.500.066.177)	116.633.998.498
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	152.672.970.519	36.037.011.886
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	1.499.739	1.960.135
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	48.174.404.081	152.672.970.519

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đạm Huy Ngọc Linh

Trần Thị Thu Trang



TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

CÔNG TY MẸ

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 0106000827 ngày 08/02/1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, đăng ký lại lần thứ nhất ngày 02/01/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 22/4/2008. Ngày 15 tháng 06 năm 2010, Bộ Công thương ban hành Quyết định số 3168 /QĐ-BCT về việc chuyển Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp sang hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con. Ngày 31 tháng 08 năm 2010, Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với Mã số doanh nghiệp 0100101379 Giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2010, sửa đổi lần thứ 2 ngày 13 tháng 10 năm 2011, sửa đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 01 năm 2012 và sửa đổi lần thứ 4 ngày 10 tháng 07 năm 2013 sửa đổi lần thứ 5 ngày 14 tháng 05 năm 2014.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí, lắp đặt máy móc thiết bị và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Khai thác quặng sắt; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dung hữu hình khác; Xây dựng nhà các loại; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hoá chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Thoát nước và xử lý nước thải; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Hoàn thiện các công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

II. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán: Chứng từ ghi sổ dựa trên máy tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá ba (03) tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính. Lợi nhuận chưa thực hiện từ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại không được dùng để chia cổ tức.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc xếp trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng. Chi phí chế biến bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung biến đổi và chi phí sản xuất chung cố định.

Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho

Giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Chi phí sản xuất dở dang chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp ước tính cho các sản phẩm dở dang. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho được áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm kết thúc niên độ kế toán và được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu quá hạn trên sáu (6) tháng hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị phá sản hoặc khó khăn tương tự.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Nguyên tắc ghi nhận

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) và các chi phí trực tiếp ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định thuê tài chính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (tiếp theo)

Phương pháp khấu hao

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như các tài sản cố định khác.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh. Các khoản được chia khác được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán khác

Các khoản đầu tư chứng khoán khác được ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm kết thúc niên độ kế toán, được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Trong trường hợp không thể xác định giá trị thị trường một cách đáng tin cậy các khoản đầu tư sẽ không được lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì được ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi vốn hóa.

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập; Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo); Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp; Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn; Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn; Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn; Các chi phí khác liên quan tới nhiều niên độ kế toán;

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước liên quan đến năm tài chính hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn cho các kỳ hạch toán theo phương pháp đường thẳng, số năm phân bổ dựa vào tính chất và mức độ của từng loại chi phí.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí trong kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn ngân sách nhà nước cấp cho Tổng Công ty;

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp được ghi nhận phù hợp với hướng dẫn của Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và hướng dẫn của Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ban hành theo Thông tư 10/2013/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và. Theo đó, các khoản thu của Quỹ bao gồm:

- Nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp thuộc Tổng công ty theo quy định của pháp luật về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Khoản lãi tiền gửi của quỹ;
- Các khoản thu khác theo quy định.

Các khoản chi của quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp bao gồm

- Hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu;
- Bổ sung vốn điều lệ cho Công ty mẹ, điều chuyển và đầu tư phát triển doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền;
- Các khoản chi khác theo quy định

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi :

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng được xác định một cách đáng tin cậy.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Thu nhập cho vay, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phát sinh tính theo tỷ suất sinh lợi thực tế.

Lợi nhuận, cổ tức được chia từ phần vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác: ghi nhận trên cơ sở quyết định chia cổ tức, lợi nhuận được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với cổ phiếu nhận được do công ty cổ phần chia cổ tức (chia cổ tức bằng cổ phiếu) doanh nghiệp hạch toán tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp tương ứng với số tiền cổ tức được chia phù hợp với Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào Doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Thu nhập do chuyển nhượng vốn, nhượng bán chứng khoán được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá gốc của khoản vốn góp và của chứng khoán.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập chịu thuế theo thuế suất hiện hành là 22%.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ để tính thuế và các khoản lỗ từ các năm trước mang sang, nếu có.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế của tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Năm 2014, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

15. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc, nợ phải trả tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu tư tài chính được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, thì hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra các quyết định chính sách tài chính và hoạt động.

17. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất và điều hành của Tổng Công ty trong phạm vi cả nước và quốc tế. Vì vậy việc lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là không khả thi và việc không lập báo cáo này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày báo cáo tài chính nói chung.

18. Điều chỉnh hồi tố các sai sót

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014 bao gồm các điều chỉnh hồi tố ảnh hưởng của các sai sót phát hiện trong Báo cáo tài chính năm 2013. Ảnh hưởng của các điều chỉnh này được trình bày tại Mục VII.4 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Đơn vị tính: VND)

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2014	01/01/2014
Tiền mặt	603.652.805	165.684.096
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.790.751.276	3.709.286.423
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 tháng	37.780.000.000	148.798.000.000
Tổng cộng	48.174.404.081	152.672.970.519

02. Đầu tư ngắn hạn

	30/09/2014	01/01/2014
Cho vay các đơn vị khác	12.500.000.000	9.500.000.000
Tổng cộng	12.500.000.000	9.500.000.000

03. Phải thu nội bộ

	30/09/2014	01/01/2014
Công ty con	361.903.000	892.777.522
Công ty liên kết	908.023.882	908.023.882
Tổng cộng	1.269.926.882	1.800.801.404

04. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/09/2014	01/01/2014
Phải thu các công ty con	2.110.302.959	785.893.462
Tiền mua trụ sở	7.356.500.000	
Phải thu về lãi tiền cho vay	498.391.600	91.666.600
Lãi tiền gửi kỳ hạn dự thu	82.794.777	
Phải thu về BHXH, BHYT	45.616.621	23.845.368
Thuế VAT đầu vào	92.170.071	426.457.500
Chi phí cổ phần hóa	19.500.000	
Thuế TNCN	289.539	691.312
Tạm ứng của CBCNV	2.410.320.471	1.319.806.782
Ký quỹ, ký cược		1.625.815.449
Quỹ khen thưởng phúc lợi âm	471.365.258	
Phải thu khác	1.264.621.992	1.281.461.726
Tổng cộng	14.351.873.288	5.687.820.455

05. Hàng tồn kho

	30/09/2014	01/01/2014
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	63.751.117.071	23.713.462.240
Hàng hóa	22.370.781.204	20.498.074.875
Tổng cộng	86.121.898.275	44.211.537.115

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

06. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục *	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
<i>Dư đầu năm</i>	14.889.745.570	11.416.954.915	4.460.887.678	132.073.004	-	30.899.661.167
<i>Tăng trong năm</i>	39.084.919.448	-	-	-	-	39.084.919.448
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- XDCB hoàn thành	39.084.919.448	-	-	-	-	39.084.919.448
<i>Giảm trong năm</i>	13.860.638.523	11.241.315.415	376.594.993	67.127.550	-	25.545.676.481
- Thanh lý, nhượng bán	13.860.638.523	11.190.115.415	376.594.993	67.127.550	-	25.494.476.481
- Phân loại lại	-	51.200.000	-	-	-	51.200.000
<i>Dư cuối năm</i>	40.114.026.495	175.639.500	4.084.292.685	64.945.454	-	44.438.904.134
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Dư đầu năm</i>	4.744.217.305	6.923.412.710	3.230.518.386	113.094.489	-	15.011.242.890
<i>Tăng trong năm</i>	1.021.241.091	572.733.066	240.440.139	9.741.816	-	1.844.156.112
- Khấu hao trong năm	1.021.241.091	572.733.066	240.440.139	9.741.816	-	1.844.156.112
<i>Giảm trong năm</i>	4.685.533.133	7.439.299.935	376.594.993	67.127.550	-	12.568.555.611
- Thanh lý, nhượng bán	4.685.533.133	7.434.044.379	376.594.993	67.127.550	-	12.563.300.055
- Phân loại lại	-	5.255.556	-	-	-	5.255.556
<i>Dư cuối năm</i>	1.079.925.263	56.845.841	3.094.363.532	55.708.755	-	4.286.843.391
Giá trị còn lại						
<i>Đầu năm</i>	10.145.528.265	4.493.542.205	1.230.369.292	18.978.515	-	15.888.418.277
<i>Cuối năm</i>	39.034.101.232	118.793.659	989.929.153	9.236.699	-	40.152.060.743

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

07. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2014	01/01/2014
Chi phí sửa chữa tài sản		3.500.000
Trụ sở 7A Mạc Thị Bưởi		36.700.000.000
Tổng cộng		36.703.500.000

08. Đầu tư vào công ty con

	30/09/2014	01/01/2014
Công ty TNHH một thành viên cơ khí Duyên Hải	66.600.000.000	66.600.000.000
Công ty TNHH một thành viên cơ khí Hà Nội	52.684.560.000	52.684.560.000
Công ty TNHH một thành viên cơ khí Quang Trung	12.251.990.000	12.251.990.000
Công ty TNHH một thành viên XNK sản phẩm cơ khí	34.897.000.000	34.897.000.000
Công ty TNHH một thành viên XNK thiết bị toàn bộ	32.827.756.632	32.827.756.632
Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	3.150.600.000	2.864.200.000
Công ty Cổ phần cơ khí Cửu Long	3.123.900.000	3.123.900.000
Tổng cộng	205.535.806.632	205.249.406.632

09. Đầu tư vào công ty liên kết

	30/09/2014	01/01/2014
Công ty Liên doanh chế tạo bơm EBARA (*)	-	13.857.646.452
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Sài Gòn- Hà Nội	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Caric	-	29.120.000.000
Tổng cộng	1.800.000.000	44.777.646.452

(*) Công ty Liên doanh chế tạo bơm EBARA (Liên doanh) nguyên là Công ty liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài giữa Nhà máy chế tạo bơm Hải Dương (Bên Việt Nam) và Ebara Corporation (Bên nước ngoài có quốc tịch Nhật Bản); trong đó Bên Việt Nam góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Theo Giấy phép đầu tư điều chỉnh Số 1454/GPĐC ngày 1/6/2005, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chuẩn y việc chuyển toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của giữa Nhà máy chế tạo bơm Hải Dương cho Tổng Công ty. Tuy nhiên tại thời điểm trước ngày 1/1/2014, Tổng Công ty chưa hạch toán tăng vốn. Tại văn bản Số 6369/BCT-TC ngày 23/7/2008, Bộ Công thương đã đồng ý cho Tổng Công ty chuyển nhượng phần vốn góp tại Liên doanh trên cơ sở Tổng Công ty phải nộp toàn bộ tiền thuê đất từ khi thành lập liên doanh cho đến thời điểm chuyển nhượng để Liên doanh chuyển sang hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Ngày 13/6/2011, Tổng Công ty đã nộp vào ngân sách nhà nước số tiền thuê đất 15 năm là 10.081.954.584 đồng tương đương 488.988 USD và tiền thu sử dụng vốn là 3.775.691.868 đồng tương đương 183.126 USD; tổng cộng số tiền đã nộp vào ngân sách là 13.857.646.452 đồng.

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 16/5/2008 giữa Ebara Corporation và Tổng Công ty thì Tổng Công ty chuyển nhượng phần vốn góp của Tổng Công ty trong Liên doanh bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất với giá chuyển nhượng là 1.000.000 USD cho Ebara Corporation. Hợp đồng quy định Ebara Corporation ứng trước 90% giá trị hợp đồng sau khi hai bên đạt được các điều kiện chấp thuận cần thiết của Hợp đồng và thanh toán tiếp 10% sau khi điều kiện hoàn tất cuối cùng là Liên doanh nhận được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mới và UBND tỉnh Hải Dương ký hợp đồng thuê đất mới. Ngày 9/6/2011, Ebara Corporation đã thanh toán cho Công ty 900.000 USD tương đương 18.742.846.436 đồng. Đến thời điểm báo cáo tài chính được lập, do điều kiện hoàn tất cuối cùng chưa được thực hiện nên Ebara Corporation chưa thanh toán 100.000 USD còn lại.

Tài sản trên đất có giá trị theo nguyên tệ 118.032 USD được hạch toán tăng vốn chủ sở hữu trong kỳ báo cáo theo tỷ giá 15.386 VND/USD là tỷ giá của thời điểm xác định phần vốn của ngân sách nhà nước khi hình thành Công ty liên doanh tại tháng 11/2002 (Xem mục V.15 Vốn chủ sở hữu).

Thu nhập của hợp đồng chuyển nhượng được ghi nhận tương ứng với 90% giá chuyển nhượng, tuy nhiên chi phí của hợp đồng chuyển nhượng được ghi nhận trên cơ sở 100% giá gốc dựa trên nguyên tắc thận trọng (Xem mục VI.3 Doanh thu hoạt động tài chính)

10. Đầu tư dài hạn khác

	30/09/2014	01/01/2014
Công ty Cơ khí chế tạo Hải Phòng	1.037.690.000	1.037.690.000
Công ty Cổ phần đá mài Hải Dương	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần A74	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP cơ điện và xây dựng	400.000.000	400.000.000
Công ty CP Kinh doanh thiết bị công nghiệp	2.550.000.000	2.550.000.000
Công ty CP Xi Măng Đồng Bành	27.298.839.658	27.298.839.658
Công ty Cổ phần Caric	17.640.000.000	-
Tổng cộng	50.926.529.658	33.286.529.658

11. Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2014	01/01/2014
Công cụ dụng cụ	177.772.465	76.115.512
Chi phí sửa chữa TSCĐ chờ phân bổ	47.248.242	100.147.977
Phí bảo lãnh dự thầu	93.542.262	-
Chi phí trả trước tại các đơn vị trực thuộc	181.681.720	434.502.905
Tổng cộng	500.244.689	610.766.394

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

12. Vay và nợ ngắn hạn

	30/09/2014	01/01/2014
Vay ngắn hạn VND	1.399.880.000	6.176.293.190
Ngân hàng MB Hoàn Kiếm		3.833.693.190
Vay cá nhân	1.399.880.000	2.342.600.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	4.000.000.000
Tổng công ty Bia rượu và nước giải khát Sài Gòn	4.000.000.000	4.000.000.000
Tổng cộng	5.399.880.000	10.176.293.190

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/09/2014	01/01/2014
Thuế giá trị gia tăng	137.850.597	164.794.146
Thuế thu nhập doanh nghiệp	758.027.476	687.441.754
Thuế thu nhập cá nhân	34.920.890	17.413.912
Tổng cộng	930.798.963	869.649.812

14. Chi phí phải trả

	30/09/2014	01/01/2014
Lãi tiền vay	3.454.091.667	3.061.116.667
Khoản văn phòng phẩm		10.050.000
NHNN và PTNT CN Nam Hà Nội		182.550.446
Phí bảo lãnh hợp đồng	182.564.991	
Tiền ăn ca	346.944.000	
Tổng cộng	3.983.600.658	3.253.717.113

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/09/2014	01/01/2014
Tài sản thừa chờ xử lý		50.380.647
Kinh phí công đoàn	49.380.208	196.689.667
Bảo hiểm xã hội	245.668.553	123.465.007
Bảo hiểm y tế	81.875.800	23.547.109
Bảo hiểm thất nghiệp	18.843.481	
• Phải trả về tiền thuê đất tại KCN Quảng Nam		2.080.089.000
Nhận ủy thác mua cổ phần tại Cty KS Hà Giang		1.979.295.485
Nhận ủy thác mua cổ phần tại Cty CP Xi măng Đồng Bành	12.905.000.000	12.905.000.000
Phải trả GUILIN GUIYE INDUSTRIAL CO.,LTD	240.603.683	240.603.683
Phải trả khác	8.197.199.203	4.706.211.562
Tổng cộng	21.738.570.928	22.305.282.160

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

16.Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2013	311.637.896.977	18.331.629.557	38.725.033	2.561.266.142	3.761.180.577	1.759.751.115	(3.912.064.057)	334.178.385.344
- Điều chuyển nguồn vốn	135.299.115.157	(135.299.115.157)	-	-	-	-	-	-
- Lãi năm trước	-	-	-	-	-	-	25.659.155	25.659.155
- Tăng khác	-	-	-	7.341.793.868	243.352.318	-	2.467.970.700	10.243.463.642
- Thu bán cổ phần	-	117.467.485.600	-	-	-	-	-	117.467.485.600
- Lãi tiền gửi của quỹ	-	2.550.438.719	-	-	-	-	-	2.550.438.719
- Giảm vốn năm trước	(5.880.000.000)	-	-	-	-	-	(3.988.784.444)	(9.868.784.444)
- Giảm khác	(1.293.284.191)	-	(38.725.033)	-	(4.004.532.895)	-	(4.417.970.700)	(9.944.859.575)
Số dư ngày 01/01/2014	439.763.727.943	3.050.438.719	-	9.903.060.010	-	1.759.751.115	(9.825.189.346)	444.651.788.441
- Điều chuyển nguồn vốn	286.400.000	1.123.995.759	-	(1.410.395.759)	-	-	-	-
- Nhận vốn NN trong liên doanh (*)	1.813.915.776	-	-	-	-	-	-	1.813.915.776
- Lãi năm nay	-	-	-	-	-	-	(179.123.873)	(179.123.873)
- Cổ tức phải thu	-	867.000.000	-	-	-	-	-	867.000.000
- Thu bán cổ phần	-	1.071.800.000	-	-	-	-	-	1.071.800.000
- Lãi tiền gửi của quỹ	-	156.963.528	-	-	-	-	-	156.963.528
- Nộp lại cho ngân sách nhà nước	-	(368.031.325)	-	-	-	-	-	(368.031.325)
- Giảm vốn tại Cty CP Carric (**)	(11.480.000.000)	(180.422.887)	-	-	-	-	-	(11.660.422.887)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	8.847.478.284	8.847.478.284
- Giảm khác	(6.671.490.392)	-	-	-	-	(1.722.998.173)	-	(8.394.488.565)
Số dư ngày 30/09/2014	423.712.553.327	5.721.743.794	-	8.492.664.251	-	36.752.942	(1.156.834.935)	436.806.879.379

(*) Nhận vốn nhà nước giao bằng tài sản trên đất giá trị nguyên tệ 118.032 USD; được ghi nhận theo tỷ giá 15.386 VND/USD là tỷ giá của thời điểm xác định phần vốn của ngân sách nhà nước khi hình thành Công ty liên doanh tại tháng 11/2002.

(**) Công ty Cổ phần Carric nguyên là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước được cổ phần hóa, khoản lỗ trong giai đoạn từ khi xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm bàn giao là 11.660.422.887 đồng. Tại Công văn 2094/BCT-TCCB ngày 18/3/2014, Bộ Công thương phê chuẩn việc giảm phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Carric do Tổng Công ty là đại diện là 11.480.000.000 đồng, số tiền còn lại 180.422.887 được trả lại cho Công ty Cổ phần Carric.



**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (Đơn vị tính: VND)

01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ		318.911.902.873
Doanh thu bán hàng hóa	69.775.155.194	
Doanh thu công trình xây lắp	83.177.745.662	
Doanh thu cho thuê văn phòng	43.200.000	
Doanh thu dịch vụ khác	239.270.856	
Tổng cộng	153.235.371.712	318.911.902.873

02. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã bán	65.742.392.193	137.130.855.806
Giá vốn của công trình xây lắp	75.465.632.392	153.565.906.797
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.663.072.423
Tổng cộng	141.208.024.585	292.359.835.026

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.324.265.514	7.697.814.354
Lãi tiền cho vay	841.341.000	
Lãi chuyển nhượng vốn (*)	3.057.352.208	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	665.652.000	
Lãi CLTG do đánh giá lại	57.675.536	
Tổng cộng	8.946.286.258	7.697.814.354

(*) Lãi chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Liên doanh chế tạo bơm Ebara:

	USD	Tỷ giá	VND
Thu nhập chuyển nhượng	900.000	21.243	19.118.999.202
Thu nhập từ chuyển nhượng vốn	900.000		19.118.999.202
Giá trị quyền sử dụng đất bằng tiền thuê đất trong 15 năm	488.988	20.618	10.081.954.584
Tiền sử dụng vốn ngân sách nhà nước	183.126	20.618	3.775.691.868
Tài sản trên đất (**)	118.032	15.368	1.813.915.776
Chi chênh lệch tỷ giá (***)			376.152.766
Chi phí khác			13.932.000
Chi phí từ chuyển nhượng vốn	790.146		16.061.646.994
Lợi nhuận từ chuyển nhượng vốn	109.854	-	3.057.352.208

(**) Tài sản trên đất 118.032 USD x tỷ giá ghi tăng vốn chủ sở hữu 15.386 VND/USD của thời điểm xác định phần vốn của ngân sách nhà nước khi hình thành Công ty liên doanh tại tháng 11/2002.

(***) Thu nhập chuyển nhượng 900.000 USD x (tỷ giá khi nhận được tiền 20.825 VND/USD - tỷ giá khi ghi nhận thu nhập 21.243 VND/USD)

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (tiếp theo)

04. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Năm trước
Lãi tiền vay	795.706.623	1.236.786.035
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	212.073.725	737.352.075
Lỗ CLTG do đánh giá lại	99.038.344	
Chi phí tài chính khác	623.000	13.211.975.803
Tổng cộng	1.107.441.692	15.186.113.913

05. Thu nhập khác

	Kỳ này	Năm trước
Bán tài sản cố định	6.540.585.335	
Bên cho thuê đất giảm nợ	150.972.427	
Bán hồ sơ thầu	37.000.000	
Xử lý các khoản nợ không phải trả	613.276.244	
Thu phạt vi phạm hợp đồng	442.267.036	
Vấn phòng xóa nợ bằng dự phòng		
Chi phí thuê đất UID		
Các khoản công nợ khi giải thể		
Thu nhập khác	1.293.531.667	2.876.477.791
Tổng cộng	9.077.632.709	2.876.477.791

06. Chi phí khác

	Kỳ này	Năm trước
Bán tài sản cố định	12.931.146.426	
Thuế nhập khẩu và GTGT hàng nhập khẩu bị truy thu	1.121.149.296	
Phạt chậm nộp thuế và vi phạm PL thuế	141.798.259	
Phạt vi phạm hợp đồng	302.843.722	
Vấn phòng xóa nợ bằng dự phòng	638.119.762	
Chi phí khác	575.043.757	1.857.087.303
Tổng cộng	15.710.101.222	1.857.087.303

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Giao dịch đối với bên liên quan

a) Bên liên quan

Tên	Quan hệ
1 Công ty TNHH NN một thành viên Cơ khí Duyên Hải	Công ty con - sở hữu 100%
2 Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con - sở hữu 100%
3 Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cơ khí Quang	Công ty con - sở hữu 100%
4 Công ty TNHH NN MTV XNK sản phẩm cơ khí	Công ty con - sở hữu 100%
5 Công ty TNHHNN một thành viên XNK thiết bị toàn bộ	Công ty con - sở hữu 100%
6 Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	Công ty con - sở hữu 51%
7 Công ty Cổ phần cơ khí Cửu Long	Công ty con - sở hữu 79%
8 Công ty Liên doanh chế tạo bơm EBARA	Công ty liên doanh - sở hữu 30%; thanh lý trong kỳ hoạt động
9 Công ty Cổ phần xi măng Đồng Bành	Công ty liên doanh - sở hữu 10,7%
10 Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Sài Gòn- Hà Nội	Công ty liên doanh - sở hữu 20%
11 Công ty Cổ phần Caric	Công ty liên doanh - sở hữu 30%; phân loại lại là khoản đầu khác trong kỳ do tỷ lệ sở hữu giảm xuống còn 18%

b) Số dư của Bên liên quan

Khoản mục	30/09/2014	01/01/2014
Phải thu khách hàng	8.843.380.558	3.466.383.168
Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cơ khí Quang Trung	6.147.987.316	1.718.208.941
Công ty TNHH NN một thành viên Cơ khí Duyên Hải	2.695.393.242	1.748.174.227
Phải thu nội bộ	361.903.000	892.777.522
Cty CP cơ khí Cửu Long	218.673.000	-
Công ty CP Dụng cụ số 1	143.230.000	399.460.000
Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội	-	653.317.522
Công ty TNHH NN MTV XNK sản phẩm cơ khí	-	(160.000.000)
Phải thu khác	1.031.583.622	785.893.462
Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cơ khí Quang Trung	653.272.984	653.272.984
Công ty TNHH NN MTV XNK sản phẩm cơ khí	378.310.638	-
Công ty TNHH NN một thành viên Cơ khí Duyên Hải	-	132.620.478
Trả trước cho người bán	27.543.857.315	72.000.000
Công ty CP Dụng cụ số 1	-	72.000.000
Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cơ khí Quang Trung	46.475.266	-
Công ty TNHH NN một thành viên Cơ khí Duyên Hải	27.497.382.049	-

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****01. Giao dịch đối với bên liên quan (tiếp)****c) Giao dịch với Bên liên quan**

	Kỳ này	Năm trước
Phải trả người bán	46.682.478	15.010.525.014
Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cơ khí Quang Trung	-	4.110.429.457
Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội	46.682.478	1.331.542.985
Công ty TNHH NN một thành viên Cơ khí Duyên Hải	-	9.568.552.572
Phải trả khác	-	10.650.642
Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội	-	10.650.642
Bán hàng hóa cho Bên liên quan	32.528.059.966	62.425.770.478
Công ty TNHH NN một thành viên Cơ khí Duyên Hải	25.399.758.888	27.412.935.246
Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cơ khí Quang Trung	7.128.301.078	15.489.950.576
Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội		19.522.884.656
Mua hàng hóa từ Bên liên quan	15.662.846.085	34.550.476.141
Công ty TNHH NN một thành viên Cơ khí Duyên Hải	15.400.036.581	19.109.056.397
Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cơ khí Quang Trung	262.809.504	15.441.419.744
Cổ tức được hưởng từ Bên liên quan	143.210.000	-
Công ty CP Dụng cụ số 1	143.210.000	
Các khoản đầu tư tăng	2.507.707.872	
Công ty Liên doanh chế tạo bơm EBARA	2.507.707.872	
Các khoản đầu tư giảm	15.687.707.872	
Công ty Liên doanh chế tạo bơm EBARA	4.207.707.872	
Công ty Cổ phần Caric	11.480.000.000	

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của từng sản phẩm.

02. Báo cáo bộ phận**Kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hàng hóa	Xây lắp	Chuyển nhượng vốn	Hoạt động khác	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần	69.658.139.900	81.900.222.956	19.118.999.202	282.470.856	170.959.832.914
Giá vốn	(65.864.807.959)	(75.343.216.626)	(16.061.646.994)		(157.269.671.579)
Lãi gộp	3.793.331.941	6.557.006.330	3.057.352.208	282.470.856	13.690.161.335
Thu nhập và chi phí không phân bổ					
Doanh thu tài chính					5.888.934.050
Chi phí tài chính					(1.107.441.692)
Chi phí bán hàng					(55.241.400)
Chi phí quản lý					(11.205.040.178)
Thu nhập khác					9.077.632.709
Chi phí khác					(15.710.101.222)
Lợi nhuận trước thuế					578.903.602
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(758.027.476)
Lợi nhuận sau thuế					(179.123.874)

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

03. Công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên cho đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210, do đó các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính kỳ này ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác vẫn được trình bày theo giá gốc.

	Giá trị ghi sổ			
	30/09/2014		01/01/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.174.404.081		152.672.970.519	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.500.000.000		9.500.000.000	
Ký quỹ mở LC	-		1.625.815.449	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	99.891.380.097	(22.593.428)	132.262.345.959	(3.194.616.325)
Đầu tư dài hạn	258.262.336.290	(4.600.000.000)	283.313.582.742	(4.600.000.000)
	418.828.120.468	(4.622.593.428)	579.374.714.669	(7.794.616.325)

	Giá trị ghi sổ	
	30/09/2014	01/01/2014
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	5.399.880.000	10.176.293.190
Phải trả người bán và phải trả khác	61.095.465.907	88.085.844.530
Chi phí phải trả	3.983.600.658	3.253.717.113
	70.478.946.565	101.515.854.833

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán ngoại trừ tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải gánh chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**03. Công cụ tài chính (tiếp theo)****Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất, giá cổ phiếu và giá sản phẩm/giá nguyên phụ liệu.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản phải thu, các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua bán ngoại tệ hợp lý, phù hợp với kế hoạch sản xuất để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tại ngày 30/09/2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận trước thuế đối với thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá VND/USD như sau:

	VND		Nguyên tệ	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền gửi ngân hàng bằng USD	406.835.731	66.985.663	19.194,89	3.177,69
Tiền gửi ngân hàng bằng EUR	1.096.726	1.185.673	40,97	40,97
Ký quỹ mở LC	-	1.625.815.449	-	77.125,97
Cộng tài sản tài chính có gốc EUR	-	1.625.815.449	-	77.125,97
Cộng tài sản tài chính có gốc USD	407.932.457	68.171.336	19.235,86	3.218,66
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán bằng USD	10.074.033.732	10.055.900.071	475.302,37	476.922,37
Vay và nợ ngắn hạn bằng USD	-	-	-	-
Vay dài hạn bằng USD	-	-	-	-
Cộng nợ tài chính có gốc USD	10.074.033.732	10.055.900.071	475.302,37	476.922,37
Tài sản tài chính thuần gốc USD	(9.666.101.275)	(9.987.728.735)	(456.066,51)	(473.703,71)

Độ nhạy tỷ giá

	Thay đổi tỷ giá VND/USD (%)	Tăng giảm lợi nhuận trước thuế
Năm nay		
	+5%	(483.305.064
	-5%	483.305.064
Năm trước		
	+5%	(499.386.437
	-5%	499.386.437

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****03. Công cụ tài chính (tiếp theo)***Quản lý rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty liên quan chủ yếu tới các khoản vay có lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình để đưa ra quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được lãi suất có lợi cũng như duy trì cơ cấu vay phù hợp.

Rủi ro lãi suất

	Số dư vay 30/09/2014	Lãi suất bình quân năm
Lãi suất cố định	4.000.000.000	7%
Vay Tổng Công ty và nước giải khát Sài Gòn	4.000.000.000	6,60%
Lãi suất thả nổi	-	0,00%
Cộng vay và nợ	4.000.000.000	6,60%

Tại ngày 30/09/2014, Tổng Công ty không có các khoản vay có lãi suất thả nổi nên không tồn tại rủi ro về lãi suất tại thời điểm này.

Quản lý rủi ro giá cổ phiếu

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của từ các khoản đầu tư mua cổ phần được trình bày tại khoản mục “Đầu tư dài hạn khác”. Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư này và các khoản đầu tư này được nắm giữ cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro giá bán sản phẩm/giá mua nguyên phụ liệu

Hoạt động sản xuất kinh doanh có rủi ro về sự biến động của giá bán sản phẩm và giá mua nguyên phụ liệu, Tổng Công ty quản lý loại rủi ro này bằng cách theo dõi chặt chẽ thông tin có liên quan của thị trường đầu ra và thị trường đầu ra nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp nhằm đảm bảo sự cân đối hợp lý giữa rủi ro và lợi nhuận có thể thu từ khách hàng được cấp tín dụng. Tổng Công ty thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng quá mức hay không.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty không đảm bảo được nguồn vốn cần thiết khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Rủi ro thanh khoản chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các cổ đông cam kết góp. Thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**03. Công cụ tài chính (tiếp theo)****Rủi ro thanh khoản**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Ngày 30/09/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.174.404.081			48.174.404.081
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.500.000.000			12.500.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	99.868.786.669			99.868.786.669
Đầu tư dài hạn			253.662.336.290	253.662.336.290
Cộng tài sản tài chính	160.543.190.750	-	253.662.336.290	414.205.527.040
Vay và nợ	5.399.880.000	-		5.399.880.000
Phải trả người bán và phải trả khác	61.095.465.907	-		61.095.465.907
Chi phí phải trả	3.983.600.658			3.983.600.658
Cộng nợ phải trả tài chính	70.478.946.565	-	-	70.478.946.565
Tài sản tài chính thuần	90.064.244.185	-	253.662.336.290	343.726.580.475

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức độ thấp và tin tưởng chắc chắn rằng Tổng Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

04. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2013 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Việt Nam (VIA) và điều chỉnh một số khoản mục. Cụ thể:

Báo cáo kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm trên BCTC năm nay	Số cuối năm trên BCTC năm 2013	Chênh lệch
4. Giá vốn hàng bán	11	292.359.835.026	291.415.743.090	944.091.936
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	26.543.707.701	27.487.799.637	(944.091.936)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.697.814.354	7.697.814.354	-
7. Chi phí tài chính	22	15.186.113.913	15.056.180.913	129.933.000
8. Chi phí bán hàng	24	82.046.211	82.046.211	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	18.767.465.611	19.658.981.042	(891.515.431)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	205.896.320	388.405.825	(182.509.505)
11. Thu nhập khác	31	2.876.477.791	2.293.472.957	583.004.834
12. Chi phí khác	32	1.857.087.303	1.700.229.482	156.857.821
13. Lợi nhuận khác	40	1.019.390.488	593.243.475	426.147.013
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1.225.286.808	981.649.300	243.637.508
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	898.814.181	898.814.181	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	326.472.627	82.835.119	243.637.508

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

04. Thông tin so sánh (tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán

TÀI SẢN	Mã số	Số đầu năm trên BCTC năm nay	Số cuối năm trên BCTC năm 2013	Chênh lệch
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	348.247.509.886	366.025.541.330	(17.778.031.444)
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	9.500.000.000	12.591.277.807	(3.091.277.807)
1. Đầu tư ngắn hạn	121	9.500.000.000	12.591.277.807	(3.091.277.807)
III. Các khoản phải thu	130	138.259.172.355	139.229.279.540	(970.107.185)
1. Phải thu khách hàng	131	128.200.340.953	128.132.571.745	67.769.208
2. Trả trước cho người bán	132	5.764.825.868	4.078.202.888	1.686.622.980
5. Các khoản phải thu khác	135	5.687.820.455	8.412.319.828	(2.724.499.373)
IV. Hàng tồn kho	140	42.380.465.728	42.239.465.728	141.000.000
1. Hàng tồn kho	141	44.211.537.115	44.070.537.115	141.000.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5.434.901.284	19.292.547.736	(13.857.646.452)
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	611.919.752	14.469.566.204	(13.857.646.452)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		331.916.267.413	318.692.332.635	13.223.934.778
II. Tài sản cố định	220	52.591.918.277	53.242.179.192	(650.260.915)
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15.888.418.277	16.538.679.192	(650.260.915)
- Nguyên giá	222	30.899.661.167	30.916.577.240	(16.916.073)
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(15.011.242.890)	(14.377.898.048)	(633.344.842)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	278.713.582.742	264.855.936.290	13.857.646.452
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kế	252	44.777.646.452	58.218.839.658	(13.441.193.206)
3. Đầu tư dài hạn khác	258	33.286.529.658	5.987.690.000	27.298.839.658
V. Tài sản dài hạn khác	260	610.766.394	594.217.153	16.549.241
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	610.766.394	594.217.153	16.549.241
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		680.163.777.299	684.717.873.965	(4.554.096.666)

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

04. Thông tin so sánh (tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán

NGUỒN VỐN	Mã số	Số đầu năm trên BCTC năm nay	Số cuối năm trên BCTC năm 2013	Chênh lệch
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	235.511.988.858	237.700.883.786	(2.188.894.928)
I. Nợ ngắn hạn	310	235.511.988.858	237.700.883.786	(2.188.894.928)
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10.176.293.190	12.376.293.190	(2.200.000.000)
2. Phải trả người bán	312	65.780.562.370	63.857.659.390	1.922.902.980
3. Người mua trả tiền trước	313	130.480.350.129	130.648.860.921	(168.510.792)
5. Phải trả người lao động	315	2.080.404.072	1.574.212.885	506.191.187
6. Chi phí phải trả	316	3.253.717.113	3.749.664.562	(495.947.449)
7. Phải trả nội bộ	317		1.837.930.747	(1.837.930.747)
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	22.305.282.160	22.220.882.267	84.399.893
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	565.730.012	565.730.012	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	444.651.788.441	447.016.990.179	(2.365.201.738)
I. Vốn chủ sở hữu	410	444.651.788.441	447.016.990.179	(2.365.201.738)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	439.763.727.943	441.948.289.841	(2.184.561.898)
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(9.825.189.346)	(9.644.549.506)	(180.639.840)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		680.163.777.299	684.717.873.965	(4.554.096.666)

Người lập

Đâu Huy Ngọc Linh

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2014

Tổng Giám đốc



**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HAI BÀ TRƯNG
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày: **08-07-2015**

Số chứng thực: **05792** Quyền số: **03** SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN.

Dặng Anh